

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày 8-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Ông Thạch Dương Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 8-9-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2025/QĐXXST-DS ngày 11-8-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị U, sinh ngày 01-01-1986; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Sơn Na R, sinh ngày 01-01-1980; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2025, biên bản hòa giải và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 6-6-2025, đơn xin vắng mặt đề ngày 6-6-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Sơn Thị U trình bày cho rằng năm 2010 Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (số 385 ngày 21-11-2011). Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và nhiều vấn đề khác như Ông Sơn Na R không lo làm ăn, nhậu say nhiều lần đánh vợ... tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp và khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, mục đích xây dựng hôn nhân không đạt được; Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R đã sống ly thân

khoảng 03 năm nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể tiếp tục sống chung cũng như duy trì mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Bà Sơn Thị U yêu cầu xin ly hôn với Ông Sơn Na R. Về con chung giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R có ba con chung tên Sơn Thị Che L (sinh ngày 19-11-2010), Sơn Thị Che R (sinh ngày 8-8-2013), Sơn Chanh Vít C (sinh ngày 28-8-2019); hiện Sơn Thị Che L đang sống với Bà Sơn Thị U, còn Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C đang sống với Ông Sơn Na R; khi ly hôn, Bà Sơn Thị U yêu cầu tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che L cho Bà Sơn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C cho Ông Sơn Na R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung, nợ chung giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, Bà Sơn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

Tại biên bản hòa giải và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 6-6-2025, biên bản làm việc ngày 11-8-2025 và tại phiên tòa, bị đơn Ông Sơn Na R trình bày cho rằng giữa Ông Sơn Na R và Bà Sơn Thị U không có nhiều mâu thuẫn với nhau nên Bà Sơn Thị U xin ly hôn thì ông không đồng ý; ông yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo làm ăn, nuôi con ăn học; ông thừa nhận có đánh Bà Sơn Thị U nhưng sự việc đã qua lâu, lúc đó do ông tức giận. Về con chung Sơn Thị Che L đang sống với Bà Sơn Thị U, còn Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C đang sống với Ông Sơn Na R; do ông không đồng ý ly hôn nên không đưa ra ý kiến về con chung nhưng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà Sơn Thị U cấp dưỡng cho con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C hàng tháng theo quy định pháp luật, cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình của Ông Sơn Na R thì hiện ông buôn bán dạo, ngoài chăm sóc 02 con nhỏ thì ông còn sống chung và chăm sóc cha mẹ già, gia đình không thuộc hộ nghèo hay cận nghèo ở địa phương. Tài sản chung, nợ chung giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Bà Sơn Thị U vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông Sơn Na R không đồng ý ly hôn và yêu cầu Bà Sơn Thị U cấp dưỡng cho con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C theo quy định pháp luật; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Sơn Thị U được ly hôn với Ông Sơn Na R; về con chung, tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che L cho Bà Sơn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C cho Ông Sơn Na R trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho Bà Sơn Thị U không ai được quyền ngăn cản; về

cấp dưỡng cho con chung Bà Sơn Thị U không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, chấp nhận yêu cầu của Ông Sơn Na R về việc buộc Bà Sơn Thị U cấp dưỡng cho con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng/mỗi con chung/tháng; tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Sơn Thị U là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; bị đơn Ông Sơn Na R cư trú Ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ (kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng) thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); tại phiên tòa, Bà Sơn Thị U vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà Sơn Thị U.

[2] Về hôn nhân: Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 385/Quyển số 02/2011 ngày 21-11-2011 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo Bà Sơn Thị U trình bày từ năm 2022, cuộc sống vợ chồng Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và nhiều vấn đề khác như Ông Sơn Na R không lo làm ăn, nhậu say nhiều lần đánh vợ... tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp và khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, mục đích xây dựng hôn nhân không đạt được và Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R đã sống ly thân khoảng 03 năm nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể tiếp tục sống chung cũng như duy trì mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng Bà Sơn Thị U vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông Sơn Na R thừa nhận có đánh Bà Sơn Thị U nhưng sự việc đã qua lâu, lúc đó do ông tức giận; hiện vợ chồng đã sống ly thân nhưng ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con và muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Ủy ban nhân dân xã Gia Hòa, thành phố Cần Thơ ý kiến cho rằng qua xác minh tại địa phương, các hộ dân xung quanh nơi cư trú thì quá trình chung sống giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R thường xảy ra mâu thuẫn; đặc biệt, thời gian từ năm 2022 Ông Sơn Na R không lo lao động, sản xuất chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu say sấn rồi đánh đập vợ con, bạo lực gia đình, nên Bà Sơn Thị U cùng con gái lớn tên Sơn Thị Che L lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê, còn 02 con tên Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C sống cùng Ông Sơn Na R và gia đình ông đến nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... theo quy định tại các Điều 17-23 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, như Bà Sơn Thị U trình bày và Ông Sơn Na R thừa nhận cũng như qua ý kiến của địa phương thể hiện trong thời gian chung sống giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R thì Ông Sơn Na R không lo lao động, sản xuất chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu say sấn rồi đánh đập vợ con là có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; đồng thời, từ năm 2022 đến nay thì Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R đã sống ly thân, mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét Bà Sơn Thị U yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Sơn Thị U trình bày giữa Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R có ba con chung tên Sơn Thị Che L (sinh ngày 19-11-2010), Sơn Thị Che R (sinh ngày 8-8-2013), Sơn Chanh Vít C (sinh ngày 28-8-2019); hiện Sơn Thị Che L đang sống với Bà Sơn Thị U, còn Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C đang sống với Ông Sơn Na R. Khi ly hôn, Bà Sơn Thị U yêu cầu tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che L cho Bà Sơn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C cho Ông Sơn Na R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung. Ông Sơn Na R không trình bày ý kiến gì về vấn đề con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Qua nguyện vọng của cháu Sơn Thị Che L muốn tiếp tục được sống cùng mẹ ruột là Bà Sơn Thị U; còn cháu Sơn Thị Che R muốn tiếp tục được sống cùng cha ruột là Ông Sơn Na R. Xét thấy, cháu Sơn Thị Che L vốn sống cùng với Bà Sơn Thị U, còn cháu Sơn Thị Che R và cháu Sơn Chanh Vít C vốn sống cùng Ông Sơn Na R và gia đình Ông Sơn Na R từ nhỏ đến nay; để tránh xáo trộn cuộc sống hàng ngày của cháu Sơn Thị Che L, Sơn Thị Che R, Sơn Chanh Vít C và Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R, cần tiếp tục giao cháu Sơn Thị Che L cho Bà Sơn Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên, tiếp tục giao cháu Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C cho Ông Sơn Na R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của các cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của Bà Sơn Thị U, Ông Sơn Na R, cháu Sơn Thị Che L, cháu Sơn Thị Che R và đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Sơn Na R và Bà Sơn Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Sơn Thị U không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Sơn Na R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Sơn Thị U cấp dưỡng cho con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C hàng tháng theo quy định pháp luật, từ ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do đó, Bà Sơn Thị U có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung Sơn Thị Che R và Sơn Chanh Vít C. Tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và [...] người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Nhận thấy, cha và mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, trên cơ sở yêu cầu của Ông Sơn Na R và căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của Bà Sơn Thị U, Ông Sơn Na R, để đảm bảo chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Bà Sơn Thị U đóng góp nuôi dưỡng các con chung không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con chung, cụ thể số tiền 1.725.000 đồng/mỗi con chung/tháng và thực hiện định kỳ hàng tháng là phù hợp. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con chung đã thành niên. Địa điểm thực hiện cấp dưỡng là tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Cần Thơ. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng cho con chung Bà Sơn Thị U phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và hướng dẫn tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Sơn Thị U đối với Ông Sơn Na R:
 - Về hôn nhân: Bà Sơn Thị U được ly hôn với Ông Sơn Na R (Giấy chứng nhận kết hôn số 385 Quyển số 02/2011 ngày 21-11-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng {nay là Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Cần Thơ}).
 - Về con chung:
 - + Tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che L (sinh ngày 19-11-2010) cho Bà Sơn Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên; Ông Sơn Na R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.
 - + Tiếp tục giao con chung Sơn Thị Che R (sinh ngày 8-8-2013) và Sơn Chanh Vít C (sinh ngày 28-8-2019) cho Ông Sơn Na R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; Bà Sơn Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.
 - Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Sơn Thị U không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Buộc Bà Sơn Thị U có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho con chung Sơn Thị Che R (sinh ngày 8-8-2013) và Sơn Chanh Vít C (sinh ngày 28-8-2019) với mức cấp dưỡng là 1.725.000 đồng/mỗi con chung/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 8-9-2025) cho đến khi con chung đã thành niên. Địa điểm thực hiện cấp dưỡng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Cần Thơ.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị U và Ông Sơn Na R đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chung Bà Sơn Thị U phải chịu 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001704 ngày 13-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ {khu vực 8}); buộc Bà Sơn Thị U có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8-Cần Thơ;
- **THADS** TPCT (khu vực 8);
- UBND xã/phường đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhân